

Điểm phần tự luận		Chữ ký và họ tên CB chấm thi 1	Chữ ký và họ tên CB chấm thi 2
Bảng số	Bảng chữ		

Mã đề thi 001

SỐ PHÁCH
(do Ban phách ghi)

.....

SỐ PHÁCH

.....

Lưu ý:

1. Đề thi có 02 phần:

- **Phần trắc nghiệm khách quan** gồm 32 câu (từ Câu số 1 đến Câu số 32): Thí sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm;- **Phần tự luận** gồm 08 câu (từ Câu số 33 đến Câu số 40): Thí sinh làm bài vào tờ đề này bằng bút mực theo quy định;

2. Thí sinh không được sử dụng bất kỳ loại tài liệu nào kể cả từ điển. Khi nộp bài, thí sinh phải nộp cả tờ đề này và Phiếu trả lời trắc nghiệm. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐỀ BÀI**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (8.0 điểm)****Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu sau đây (từ câu 1 đến câu 24).****Câu 1.** Was passt nicht zum Thema *Mode*?

- A. tragen B. schwimmen C. verkaufen D. einkaufen

Câu 2. Was passt nicht zum Thema *Farbe*?

- A. lang B. blau C. rot D. grün

Câu 3. Was passt nicht zum Thema *Tiere*?

- A. die Maus B. das Taxi C. der Hamster D. der Tiger

Câu 4. Was passt nicht zum Thema *Hobbys*?

- A. beginnen B. tanzen C. malen D. fernsehen

Câu 5. Jeden Tag _____ Sara um 8 Uhr zur Arbeit.

- A. lernt B. geht C. spielt D. singt

Câu 6. In Berlin isst man gern _____.

- A. Currywurst B. Kaffee C. Milch D. Tee

Câu 7. Meine Wohnung ist sehr groß, aber _____. Nur 250 Euro!

- A. süß B. billig C. kurz D. langweilig

Câu 8. Anna: Spielst du auch mit?

Tom: _____.

- A. Ja, natürlich habe ich keine Lust. B. Ja, klar.
-
- C. Ich finde das Buch interessant. D. Doch, das ist blöd.

Câu 9. Die Bücher stehen in _____ Regal.

- A. der B. die C. dem D. den

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ

- CBCT 1:

- CBCT 2:

KỶ THI TUYỂN SINH

VÀO LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2019-2020

Khóa ngày: 02/6/2019

Hội đồng coi thi:

Phòng thi số:

Họ và tên thí sinh:

Ngày sinh:/...../.....

Học sinh trường:

MÔN THI:
TIẾNG ĐỨCSỐ BÁO DANH
(Thí sinh ghi đủ 6 số
vào các ô dưới)

--	--	--	--	--	--

CHÚ Ý: Thí sinh không được ký tên hay viết dấu hiệu gì vào tờ giấy thi. Trái điều này bài thi sẽ bị loại.

Câu 10. Brigitte: Ich habe zwei T-Shirts dabei. Und du?

Mina: Ich habe nur ein _____.

- A. T-Shirt B. T-Shirten C. T-Shirts D. T-Shirtse

Câu 11. Was ist richtig?

- A. Gestern du Milchtee getrunken hast?
B. Hast du gestern getrunken Milchtee?
C. Gestern hast du getrunken Milchtee?
D. Hast du gestern Milchtee getrunken?

Câu 12. Mein Bruder isst _____ Salat. Das finde ich ungesund.

- A. keinen B. kein C. keine D. keinem

Câu 13. Wann _____ der Film „King Kong“ heute Abend _____?

- A. fangen ... an B. anfangen ... ---
C. fängt ... an D. anfängst ... ---

Câu 14. Das ist ein Heft. Das sind zwei _____.

- A. Heftes B. Hefts C. Heftens D. Hefte

Câu 15. Beate ist _____ Schwester. Sie mag Mode und Schminken.

- A. meiner B. meinem C. meine D. meinen

Câu 16. Ich habe _____ Hund. Er heißt Lollo.

- A. eine B. einem C. einer D. einen

Câu 17. Wie _____ du täglich zur Schule?

- A. fährst B. fahren C. fährst D. fährt

Câu 18. Sabine: Was trinkst du gern?

Felix: Ich trinke gern _____ Bier.

- A. einem B. --- C. einen D. der

Câu 19. Lisa, _____ die Wohnung sauber!

- A. mach B. machen C. machst D. macht

Câu 20. Für _____ sind Freunde sehr wichtig.

- A. mich B. mir C. dir D. du

Câu 21. Die Katze sitzt _____ dem Tisch.

- A. zwischen B. auf C. über D. zu

Câu 22. _____ ihr selbst kochen, Lukas und Mia?

- A. Müssen B. Müsst C. Muss D. Musst

Câu 23. Gestern _____ meine Mutter nicht zu Hause.

- A. war B. wart C. warst D. waren

Câu 24. Was ist richtig?

- A. Es regnet stark, deshalb wir zu Hause bleiben.
B. Es regnet stark, wir deshalb zu Hause bleiben.
C. Es regnet stark, wir deshalb bleiben zu Hause.
D. Es regnet stark, deshalb bleiben wir zu Hause.

Đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để trả lời các câu hỏi (từ câu 25 đến câu 28).

Mein Zuhause

Ich heiße Lea. Ich wohne im Zentrum. Das ist cool. Ich gehe zum Beispiel nur zehn Minuten zur Schule. Meine Adresse ist Marktstraße 5. Das Haus ist alt und schön. Hier wohnen acht Familien. Unsere Wohnung hat vier Zimmer. Wir haben keinen Balkon, aber einen Hof. Mein Bruder Denis und ich spielen da Fußball. Das finde ich super, aber unsere Eltern finden das nicht gut. Mein Zimmer ist schön und sehr groß. Ich teile mein Zimmer mit Denis. Das finde ich in Ordnung.

(vgl. Klasse! A1, Kursbuch, S. 87)

Câu 25. Wo wohnt Lea?

A. Am Bahnhof.

C. In der Marktstraße 5.

B. Im Garten.

D. In der Schule.

Câu 26. Wie ist das Haus?

A. Neu und teuer.

C. Alt und schön.

B. Neu und schön.

D. Alt und teuer.

Câu 27. Wo spielen Denis und Lea Fußball?

A. Im Zimmer.

C. Im Hof.

B. Im Zentrum.

D. Auf dem Balkon.

Câu 28. Was ist richtig?

A. Lea findet ihr Zimmer blöd.

B. Leas Eltern finden die Wohnung nicht gut.

C. Leas Wohnung hat acht Zimmer.

D. Denis und Lea schlafen zusammen in einem Zimmer.

Đọc đoạn văn sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để trả lời các câu hỏi (từ câu 29 đến câu 32).

Postkarte aus den Ferien

Liebe Doris,

wie geht's dir? Ich bin schon zehn Tage hier in Spanien, an der Costa Brava, und (29)_____ viel Spaß! Wir (d.h. meine Eltern, mein Bruder Oliver und ich) wohnen in einem schönen Hotel mit Schwimmbad. (30)_____ Hotel heißt „Parasol“. Vormittags gehe ich (31)_____ den Strand: Ich spiele Volleyball, bade und besuche einen Surfkurs. Mein Surflehrer, Rafael, spricht perfekt Deutsch. Hier gibt es viele Diskos, Boutiquen, Kinos und gute Restaurants. „Paella“, die berühmte spanische Spezialität, ist wirklich (32)_____! Ich mag sie.

Leider kommen wir schon nächste Woche nach Hause zurück. Das macht mich traurig.

Viele liebe Grüße und ... bis bald!

Deine Sabine

(vgl. Wir neu, A2, Lehrbuch, S. 41)

Câu 29.

A. fahre

B. treffe

C. lese

D. habe

Câu 30.

A. Des

B. Der

C. Das

D. Die

Câu 31.

A. ohne

B. seit

C. mit

D. an

Câu 32.

A. hässlich

B. dunkel

C. traurig

D. lecker

II. PHẦN TỰ LUẬN (2.0 điểm)

Dùng từ gợi ý viết các câu sau (từ câu 33 đến câu 36) và biến đổi dạng đúng của từ (nếu cần thiết) thành câu hoàn chỉnh.

Câu 33. gehen/ wir/ Wann/ zum Stadtfest/ ? /

.....

Câu 34. ausmachen/ eure Handys/ ihr/ müssen/ Im Unterricht/ . /

.....

Câu 35. Klara und Stefan/ haben/ Ich vermute,/ keine Geschwister/ dass/ . /

.....

Câu 36. Brezel/ du/ schon einmal/ Haben/ essen/ ? /

.....

Viết lại các câu sau (từ câu 37 đến câu 40) sao cho ý không đổi.

Câu 37. Es regnet im Urlaub. Wir können nicht Ski fahren.

⇒ Wenn,

Câu 38. Ich möchte mit meinem Bruder lernen. Er ist sehr nett.

⇒, weil

Câu 39. Viele Leute rauchen. Rauchen ist ungesund.

⇒, trotzdem

Câu 40. Könnt ihr bitte eure Zimmer aufräumen?

⇒ Bitte,!

----- **Hết** -----

